TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 02 năm 2026
"*V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đoàn Thị Thu Trang.**
Các hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Lê Đăng Huấn.
2/ Bà Nguyễn Thị Chinh.
Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thùy Dung** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát khu vực 10 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: **Bà Trần Thị Hòa -** Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026, quyết định hoãn phiên tòa số 07/2026/QĐST-DS ngày 28/01/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh 1972. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn X, xã P, tỉnh Đắk Lắk.
Bị đơn: Ông Đào Văn V, sinh năm 1970. (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn X, xã P, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2025 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Năm 1990 tôi và ông Đào Văn V tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng, tuy nhiên do không hiểu biết pháp luật nên không tiến hành đăng ký kết hôn theo đúng quy định. Cuộc sống chung hạnh phúc trong một thời dài thì đến năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình hai người không hợp nhau, ông V thường xuyên uống rượu về bạo hành mẹ con tôi. Tôi đã nhiều lần nộp đơn xin giải quyết chấm dứt quan hệ vợ chồng nhưng sau đó vì thương con nên chúng tôi vẫn chung sống với nhau. Tuy nhiên mâu thuẫn vẫn kéo dài, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông V.

- Về con chung: Quá trình chung sống, giữa chúng tôi có 03 con chung là Đào Thị Thảo N, sinh năm 1991; Đào Văn Q, sinh năm 1993 và Đào Văn T1, sinh năm 1996. Các cháu đều đã trên 18 tuổi nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Đào Văn V tại phiên tòa hôm nay vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với ông V nhưng ông V đều vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk nhận định về các hoạt động tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa và đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T, không công nhận bà Nguyễn Thị Kim T và ông Đào Văn V là vợ chồng; về con chung đều đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung và nợ chung do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét qua đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn nhân gia đình về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng", bị đơn ông Đào Văn V có nơi cư trú tại xã P, tỉnh Đắk Lắk. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do đó căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Đào Văn V tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 đến nay, không làm thủ tục đăng ký kết hôn là trái với quy định của Luật Hôn nhân gia đình. Nay bà T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà T và ông V là vợ chồng. HĐXX xét thấy tình cảm giữa bà T và ông V thực sự không còn, hôn nhân giữa bà T và ông V không hợp pháp, nên áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Kim T và ông Đào Văn V là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông V có 03 con chung là Đào Thị Thảo N, sinh năm 1991; Đào Văn Q, sinh năm 1993 và Đào Văn T1, sinh năm 1996 đều đã trên 18 tuổi nên bà T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Kim T và ông Đào Văn V là vợ chồng.

[2]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 - Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003488 ngày 28 tháng 10 năm 2025. Bà Nguyễn Thị Kim T đã nộp đủ.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND khu vực 10 - Đắk Lắk;*
- *Phòng THADS khu vực 10 - Đắk Lắk;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thu Trang